

Ngân hàng TMCP Phương Đông (OCB: HOSE)



TRUNG LẬP – Giá mục tiêu 1 năm: 32.300 đồng/cp

Giá hiện tại (ngày 10/11/2021): 27.300 đồng/cp

Nguyễn Thu Hà, CFA

hant4@ssi.com.vn

+84 – 24 3936 6321 ext. 8708

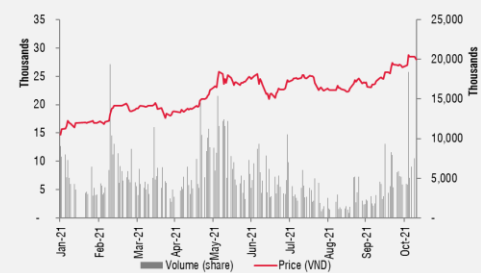
Ngày 10/11/2021

NGÀNH TÀI CHÍNH

Các chỉ số chính

Giá trị vốn hóa (triệu USD)	1.690
Giá trị vốn hóa (tỷ VND)	38.288
Số cổ phiếu lưu hành (triệu)	1.370
Giá cao/thấp nhất trong 52 tuần ('000 VND)	29,45/14,7
KLGD trung bình 3 tháng (cp)	3.616.674
KLGD trung bình 3 tháng (triệu USD)	4,08
KLGD trung bình 3 tháng (tỷ đồng)	92,52
Tỷ lệ sở hữu nước ngoài (%)	29,82
Tỷ lệ sở hữu nhà nước (%)	0
Tỷ lệ sở hữu BLĐ (%)	N.a

Biến động giá cổ phiếu



Nguồn: Bloomberg

Thông tin cơ bản về công ty

OCB là ngân hàng tư nhân thành lập vào ngày 10/6/1996. Hiện tại, các cổ đông lớn nhất của ngân hàng là Chủ tịch Trịnh Văn Tuấn và gia đình (19,8%), và nhà đầu tư chiến lược Nhật Bản, Ngân hàng TNHH Aozora (15%). Ngân hàng tập trung chủ yếu vào phân khúc bán lẻ và SME, đồng thời theo đuổi chiến lược ngân hàng kỹ thuật số và hệ thống quản lý rủi ro hiệu quả. OCB niêm yết trên sàn HOSE vào ngày 28/01/2021 với giá 22.900 đồng/cổ phiếu.

Các chỉ tiêu về tín dụng cải thiện

Chúng tôi điều chỉnh tăng 16,2% giá mục tiêu 1 năm đối với OCB lên 32.300 đồng/cp (tiềm năng tăng giá 18,3%), và khuyến nghị Trung lập. OCB đạt tăng trưởng lợi nhuận vượt trội trong Q3/2021 là +71,1% YoY. Tăng trưởng tín dụng 22% YoY (+10% YTD), lãi kinh doanh trái phiếu Chính phủ mạnh 463 tỷ đồng (so với 78 tỷ đồng trong Q3/2020) và chi phí tín dụng giảm đã thúc đẩy lợi nhuận ròng của OCB. Điểm khác biệt giữa OCB và các ngân hàng khác trong quý là các chỉ tiêu về tín dụng. Nợ nhóm 2 của OCB giảm -51% và nợ xấu không đổi trong khi các chỉ tiêu này tại các ngân hàng khác thuộc phạm vi nghiên cứu của chúng tôi đều có mức tăng đáng kể theo quý về nợ quá hạn. Tuy nhiên, nợ tái cơ cấu của OCB cũng tăng gấp đôi lên 2 nghìn tỷ đồng (2% tổng dư nợ cho vay), tương tự như điều chúng tôi nhận thấy ở nhiều ngân hàng khác. Chúng tôi ước tính OCB có thể đạt tăng trưởng LNTT +20% YoY (5,3 nghìn tỷ đồng) trong 2021 trước khi giảm tốc về mức +16,5% YoY (6,2 nghìn tỷ đồng) trong 2022.

Rủi ro giảm đối với khuyến nghị: lợi suất trái phiếu Chính phủ tăng cao hơn ước tính, có thể ảnh hưởng đến lãi kinh doanh TPCP; và nợ xấu mới hình thành cao hơn ước tính.

Yếu tố tăng đối với khuyến nghị: giá phát hành 70 triệu cổ phiếu cao hơn ước tính và lãi kinh doanh TPCP cao hơn ước tính.

Bảng: Tóm tắt bảng cân đối kế toán (tỷ đồng)

(tỷ đồng)	30/9/2021	31/12/2020	%YTD
Tổng tài sản	167.596	152.687	9,76%
Cho vay khách hàng (bao gồm trái phiếu doanh nghiệp)	99.045	89.847	10,24%
Tiền gửi khách hàng (bao gồm chứng chỉ tiền gửi)	114.733	103.526	10,82%
Tỷ lệ nợ xấu	1,51%	1,69%	
Tỷ lệ dự phòng bao nợ xấu (LLC)	74,96%	62,14%	
LDR thuần	71,80%	70,50%	
Vốn ngắn hạn sử dụng cho vay trung và dài hạn	31,00%	27,50%	
CAR (Thông tư 41)	13,40%	12,85%	

Bảng: Tóm tắt báo cáo kết quả kinh doanh (tỷ đồng)

(tỷ đồng)	Q3/2021	Q3/2020	%YoY	9T2021	9T2020	%YoY
Thu nhập lãi ròng	1.355	1.087	24,6%	4.155	3.391	22,5%
Thu nhập ròng ngoài lãi	642	396	62,3%	2.091	1.672	25,1%
Tổng thu nhập hoạt động	1.997	1.483	34,7%	6.246	5.063	23,4%
Chi phí hoạt động	-623	-554	12,4%	-1.817	-1.613	12,7%
Tỷ lệ Chi phí trên thu nhập (CIR)	31%	37%		29%	32%	
Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	-267	-282	-5,2%	-661	-940	-29,7%
Chi phí tín dụng	1,10%	1,44%		0,93%	1,63%	
Lợi nhuận trước thuế	1.107	647	71,1%	3.768	2.510	50,1%
NIM	3,51%	3,66%		3,75%	3,87%	

Nguồn: OCB, SSI Research

Tổng quan Q3/2021

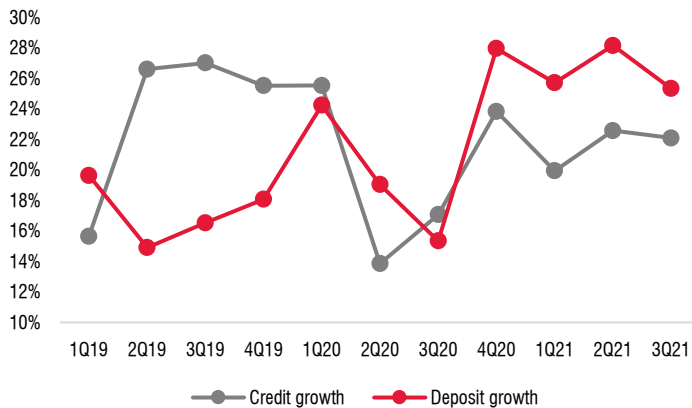
NIM giảm bất chấp danh mục cho vay tiếp tục dịch chuyển sang cho vay bán lẻ và cho vay dài hạn. Tại thời điểm cuối tháng 9, OCB đã chạm hạn mức tín dụng do NHNN cấp (10% YTD hoặc 2,9% QoQ). Do hạn mức tín dụng thấp hơn so với các ngân hàng khác, OCB đã chủ động tập trung vào các sản phẩm có lợi suất cao hơn (cho vay mua nhà, cho vay mua ô tô) để tối ưu hóa NIM. Cho vay bán lẻ tăng +4,3% QoQ, trong khi cho vay khách hàng doanh nghiệp tăng +1,8% QoQ – lần lượt đóng góp 34% và 64% tổng dư nợ cho vay. Tuy nhiên, NIM Q3/2021 giảm -29 bps so với quý trước còn 3,51%, xuất phát từ các nguyên nhân sau:

- **Hạn chế hoạt động tài chính tiêu dùng (phân khúc ComB).** Kể từ làn sóng đầu tiên của dịch Covid-19, OCB đã chủ động tiết giảm quy mô của phân khúc này. Dư nợ cho vay ComB giảm thêm -32% so với quý trước trong Q3/2021 và chỉ đóng góp 2% tổng dư nợ cho vay tại thời điểm cuối tháng 9/2021 (so với 7,7% vào cuối năm 2019 và 3,3% vào cuối năm 2020).
- **Các gói hỗ trợ khách hàng chịu ảnh hưởng từ Covid-19.** OCB đã giảm 1% lãi suất cho vay đối với các khách hàng chịu ảnh hưởng từ dịch bệnh, số tiền lãi giảm cho khách hàng là khoảng 70 tỷ đồng (5% thu nhập lãi thuần hàng quý). Ngoài ra, OCB thoái 432 tỷ đồng lãi dự thu liên quan đến nợ tái cơ cấu từ năm 2020, trong đó 9T2021 chiếm hơn 200 tỷ đồng.

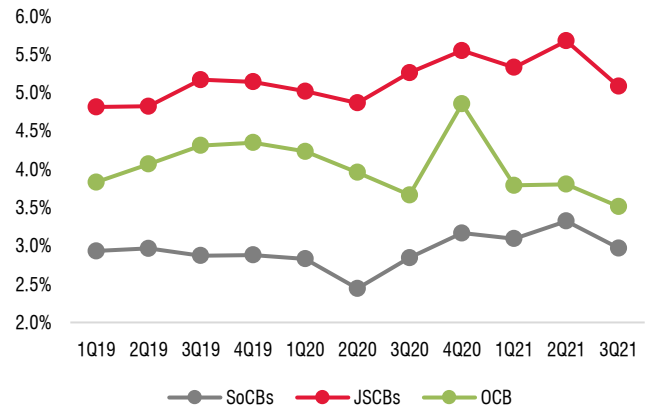
Lợi suất tài sản sinh lời do đó chịu áp lực giảm (-21 bps QoQ còn 7,51%).

- **Chưa có tiến triển về việc cải thiện CASA.** Chi phí vốn trung bình hầu như chưa cải thiện (+10 bps lên 4,33%) trái với điều diễn ra tại các ngân hàng khác. Điều này một phần do CASA không tăng trong 3 quý vừa qua. Trong Q3/2021, CASA giảm -7% YTD khiến tỷ lệ CASA giảm 158 bps (xuống 10,4%). Sau khi niêm yết, OCB không còn cung cấp thông tin cập nhật về CASA từ kênh OMNI.

Tăng trưởng tín dụng và huy động



NIM



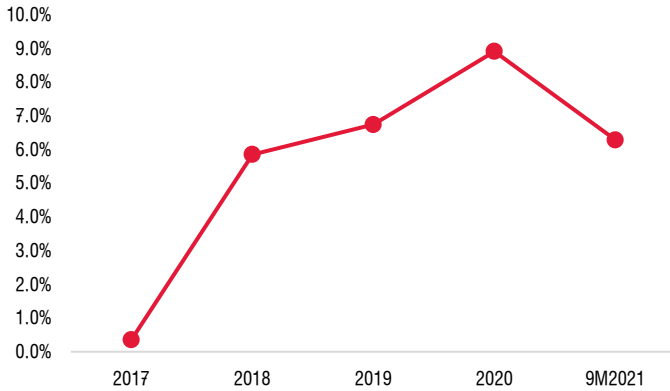
Nguồn: OCB, SSI Research

Lãi kinh doanh TPCP vẫn là điểm sáng, đạt 463 tỷ đồng trong Q3/2021, +40% QoQ. Việc lãi từ hoạt động này giảm đáng kể so với 2020 đã được dự báo từ trước. Mức độ giảm và biến động của lợi suất TPCP trong 2021 khá nhỏ do đó lãi kinh doanh TPCP đã được dự báo là sẽ không còn ở mức cao như những năm trước.

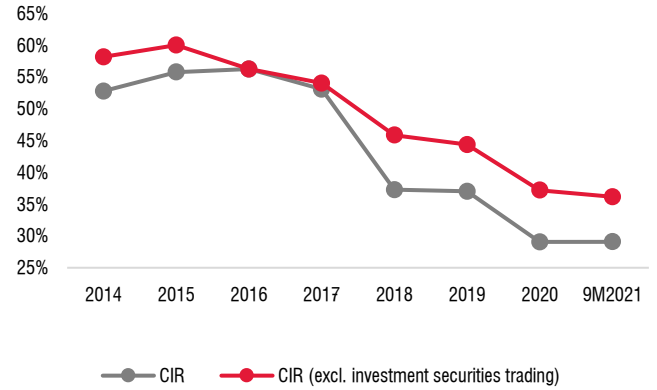
Trái ngược với hoạt động kinh doanh trái phiếu chính phủ, thu dịch vụ vẫn mờ nhạt với thu nhập hoạt động dịch vụ giảm -38,7% YoY còn 118 tỷ đồng. Mức giảm này là do hoạt động tư vấn (-48% YoY) và hoa hồng bán bảo hiểm (-10% YoY) đều giảm. Mạng dịch vụ thẻ duy trì ổn định nhưng mới chỉ đóng góp một phần rất nhỏ trong doanh thu với 13 tỷ đồng trong Q3/2021.

Duy trì tốt việc quản lý chi phí. CIR 9T2021 hầu như không đổi so với 2020 ở mức 29,1%. Ngân hàng đang đầu tư vào nhiều dự án, bao gồm xây dựng marketplace cho mảng vay mua nhà, quy trình phê duyệt tín dụng, chuyển đổi dữ liệu lên đám mây và nâng cấp core banking. Hệ thống core banking mới dự kiến sẽ đi vào hoạt động vào tháng 12/2021 và được kỳ vọng sẽ cung cấp sản phẩm nhanh hơn cũng như cải thiện hiệu suất hoạt động.

Lãi kinh doanh TPCP của OCB



CIR của OCB

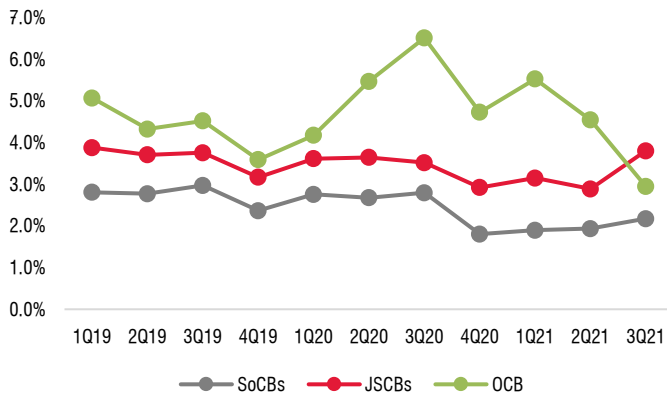


Nguồn: OCB, SSI Research

Chất lượng tài sản ổn định. Nợ Nhóm 2 giảm -51% QoQ còn 1,44%. Theo giải thích của ngân hàng, đây là kết quả của nỗ lực đẩy mạnh thu hồi nợ xấu. Tỷ lệ nợ xấu duy trì 1,51% và tỷ lệ dự phòng bao nợ xấu (LLCR) cải thiện lên 75% (từ 70% vào cuối Q2). Điều này trái ngược với các ngân hàng khác trong phạm vi nghiên cứu của chúng tôi với tỷ lệ nợ xấu và nợ cần chú ý tăng 35% và 17% so với quý trước, và việc thu hồi nợ cũng bị gián đoạn do giãn cách xã hội nghiêm ngặt.

Tại thời điểm cuối tháng 9, nợ tái cơ cấu của OCB tăng gấp đôi so với quý trước ở mức 2 nghìn tỷ đồng (2% tổng dư nợ cho vay) và tổng dư nợ kéo theo là 9 nghìn tỷ đồng. Ngân hàng ước tính nợ tái cơ cấu và nợ kéo theo sẽ tăng lên tương ứng là 2,5 nghìn tỷ đồng và 11 nghìn tỷ đồng vào cuối năm. Theo Thông tư 03 và Thông tư 14, tổng chi phí dự phòng nợ tái cơ cấu là 400 tỷ đồng trong 2021-2023. Lũy kế 9T2021, ngân hàng mới trích lập 40 tỷ đồng nợ tái cơ cấu và ước tính trích lập 85 tỷ đồng trong Q4/2021.

Mặc dù chất lượng tài sản duy trì khá ổn định trong kỳ, chúng tôi cho rằng OCB nên tăng trích lập dự phòng rủi ro tín dụng để tạo bộ đệm dự phòng lớn hơn trong bối cảnh đại dịch. Phần lớn khách hàng doanh nghiệp của OCB là doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ, với tổng doanh thu dưới 400 tỷ đồng. Các khách hàng này có thể có sức chống chịu kém hơn so với các khách hàng lớn do dòng tiền và năng lực tài chính chịu ảnh hưởng nặng nề từ làn sóng Covid-19 thứ 4. Do đó, việc tăng cường trích lập dự phòng rủi ro tín dụng là cần thiết. Trong Q3/2021, tổng số dư dự phòng rủi ro tín dụng (1,1 nghìn tỷ đồng) thấp hơn nhiều so với tài sản có vấn đề (nợ đặc biệt, nợ xấu và nợ tái cơ cấu) là 4,9 nghìn tỷ đồng.

Nợ quá hạn tại OCB (tỷ đồng)**Nợ tái cơ cấu của OCB chia theo ngành**

Nguồn: OCB, SSI Research

Kế hoạch công ty

OCB đang trình Ngân hàng Nhà nước cấp thêm hạn mức tín dụng. Điều này được kỳ vọng có thể giúp OCB tăng dư nợ cho vay lên khoảng 8,5-9 nghìn tỷ đồng trong những tháng cuối năm. Ngoài ra, OCB cũng nhận thấy một số cơ hội trên thị trường TPDN trong 2 tháng cuối năm, có thể hỗ trợ mảng kinh doanh trái phiếu (bảo lãnh phát hành và phân phối trái phiếu) của ngân hàng.

Theo đó, ban lãnh đạo đặt kế hoạch lợi nhuận trước thuế là 5,5 nghìn tỷ đồng (25% YoY), tương ứng LNTT Q4/2021 là 1,7 nghìn tỷ đồng (-9,3% YoY).

Ước tính của chúng tôi

Do 64% nợ tái cơ cấu của OCB đến từ khách hàng thuộc lĩnh vực xây dựng, bất động sản, khách sạn và vận tải, quá trình hồi phục sẽ diễn ra chậm và khả năng những khách hàng này có thể trả nợ lại bình thường ngay trong Q4/2021 là thấp. Do đó, chúng tôi cho rằng lãi dự thu ngoại bảng có thể chưa quay trở lại nội bảng cho đến năm 2022.

Theo đó, chúng tôi giả định NIM Q4/2021 sẽ duy trì ở mức hiện tại, LNTT của OCB có thể đạt 5,3 nghìn tỷ đồng (+20% YoY). Chênh lệch giữa ước tính của chúng tôi và kế hoạch của ngân hàng có thể nằm ở phần lãi từ hoạt động kinh doanh trái phiếu.

Năm 2022, chúng tôi điều chỉnh giảm 6% LNTT còn 6,2 nghìn tỷ đồng (+17% YoY), do chúng tôi ước tính hoạt động kinh doanh trái phiếu chính phủ sẽ gặp nhiều thách thức hơn.

Luận điểm đầu tư

OCB nổi bật với chiến lược số hóa mạnh mẽ và thể mạnh về hoạt động kinh doanh trái phiếu. Do mảng trái phiếu có thể không còn đem lại lợi nhuận cao trong trung hạn, chúng tôi cho rằng ngân hàng cần đẩy mạnh hoạt động dịch vụ dịch vụ hơn nữa để có thể đem lại mức tăng trưởng bền vững. Do quy mô ngân hàng còn khá nhỏ, chúng tôi cho rằng OCB còn nhiều tiềm năng tăng trưởng. Ngân hàng cũng có kế hoạch phát hành 70 triệu cổ phiếu (5% vốn trước thực hiện) trong Q4/2021 để củng cố bộ đệm vốn và hỗ trợ tăng trưởng dài hạn. Nếu tính thêm yếu tố phát hành cổ phiếu mới và chuyển cơ sở định giá sang 2022, giá mục tiêu 1 năm của chúng tôi đối với OCB là 32.300 đồng/cp (từ 27.800 đồng). Chúng tôi khuyến nghị Trung lập đối với OCB.

PHỤ LỤC: BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM

Triệu đồng	2018	2019	2020	2021F	2022F
Bảng cân đối kế toán					
+ Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	680.259	712.716	932.451	1.636.779	1.429.961
+ Tiền gửi tại NHNN	1.275.369	2.072.666	4.087.881	3.031.230	3.707.194
+ Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác	13.447.647	17.493.632	16.383.841	20.965.028	22.480.182
+ Chứng khoán kinh doanh	-	496.581	929.410	929.410	929.410
+ Các công cụ tài chính phái sinh và các nghĩa vụ tài chính khác	62.021	70.803	65.588	65.588	65.588
+ Các khoản vay và phải thu khách hàng	55.751.007	70.366.005	88.300.511	103.977.847	127.858.770
+ Chứng khoán đầu tư	24.387.913	22.873.714	33.588.023	38.638.436	44.424.369
+ Đầu tư dài hạn	14.736	4.838	2.905	2.905	2.905
+ Tài sản cố định	529.288	595.403	545.544	613.690	690.347
+ Tài sản đầu tư	-	-	-	-	-
+ Tài sản khác	3.815.869	3.473.614	7.463.854	3.975.916	4.650.122
Tổng tài sản	99.964.108	118.159.971	152.687.082	173.836.828	206.238.849
+ Các khoản nợ NHNN	1.469.370	170.256	152.190	176.541	215.909
+ Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác	16.755.980	18.368.866	22.837.721	24.664.738	27.414.857
+ Tiền gửi của khách hàng	60.362.575	69.142.056	87.171.376	101.118.796	123.668.287
+ Các công cụ tài chính phái sinh và các nghĩa vụ tài chính khác	-	-	-	-	-
+ Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay tổ chức tín dụng chịu rủi ro	2.554.087	4.628.453	4.935.421	4.935.421	4.935.421
+ Phát hành giấy tờ có giá	8.156.401	11.764.566	16.355.000	17.172.750	18.890.025
+ Trái phiếu chuyển đổi	-	-	-	-	-
+ Các khoản nợ khác	1.868.457	2.578.623	3.799.616	4.103.585	4.561.135
Tổng nợ phải trả	91.166.870	106.652.820	135.251.323	152.171.830	179.685.634
+Vốn	6.607.761	8.049.788	12.662.024	15.432.781	15.432.781
+ Dự phòng	688.442	1.075.945	1.075.945	1.710.191	2.448.818
+ Chênh lệch tỷ giá	-	-	-	-	-
+ Chênh lệch định giá lại tài sản	-	-	-	-	-
+ Lợi nhuận chưa phân phối	1.501.036	2.381.418	3.697.790	4.522.025	8.671.616
Tổng vốn chủ sở hữu	8.797.238	11.507.150	17.435.760	21.664.997	26.553.215
Lợi ích thuộc cổ đông thiểu số	-	-	-	-	-
Tổng nợ phải trả, vốn chủ sở hữu và lợi ích thuộc cổ đông thiểu số	99.964.108	118.159.971	152.687.083	173.836.828	206.238.849
Tăng trưởng					
Huy động	19,0%	18,1%	28,0%	14,3%	20,5%
Tín dụng	18,0%	24,8%	24,4%	16,7%	23,0%
Tổng tài sản	18,6%	18,2%	29,2%	13,9%	18,6%
Vốn chủ sở hữu	43,3%	30,8%	51,5%	24,3%	22,6%
Thu nhập lãi thuần	43,1%	19,4%	21,5%	14,3%	19,6%
Thu nhập từ hoạt động kinh doanh	84,2%	31,8%	21,2%	11,7%	13,9%
Chi phí hoạt động	29,3%	31,0%	-4,9%	13,3%	13,9%
Lợi nhuận trước thuế	115,5%	46,7%	36,8%	19,7%	16,5%
Lợi nhuận sau thuế	115,6%	46,6%	36,9%	19,6%	16,5%
Định giá					
PE	4,4	4,3	5,7	7,9	7,8
PB	1,26	1,17	1,44	1,77	1,44
BVPS (VND)	13.541	14.569	15.910	15.815	19.384

Nguồn: OCB, SSI Research

Triệu đồng	2018	2019	2020	2021F	2022F
Báo cáo kết quả kinh doanh					
Thu nhập lãi ròng	3.435.970	4.101.163	4.981.711	5.696.149	6.814.293
Thu nhập ngoài lãi	1.580.130	2.511.992	3.031.156	3.251.549	3.375.312
Tổng thu nhập hoạt động	5.016.100	6.613.154	8.012.867	8.947.699	10.189.605
Chi phí hoạt động dịch vụ	(1.869.767)	(2.449.236)	(2.329.133)	(2.639.571)	(3.005.933)
Lợi nhuận ròng từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng	3.146.333	4.163.918	5.683.734	6.308.128	7.183.671
Chi phí dự phòng	(944.471)	(932.794)	(1.263.439)	(1.017.288)	(1.022.103)
Lợi nhuận trước thuế	2.201.861	3.231.124	4.420.294	5.290.840	6.161.568
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(440.830)	(648.888)	(885.145)	(1.062.528)	(1.237.391)
Lợi nhuận sau thuế	1.761.031	2.582.236	3.535.149	4.228.311	4.924.176
Lợi nhuận ròng thuộc về cổ đông công ty mẹ	-	-	-	-	-
Lợi nhuận ròng	1.761.031	2.582.236	3.535.149	4.228.311	4.924.176
EPS (VND)	3.374	3.952	4.007	3.536	3.568
Cổ tức (VND)	-	-	-	-	-

Nhu cầu vốn					
Hệ số an toàn vốn- CAR	12,0%	11,2%	12,9%	0,0%	0,0%
Vốn chủ sở hữu/Tổng tài sản	8,8%	9,7%	11,4%	12,5%	12,9%
Vốn chủ sở hữu/nợ vay khách hàng	15,6%	16,2%	19,5%	20,6%	20,5%

Chất lượng tài sản					
Tỷ lệ nợ xấu	2,29%	1,84%	1,69%	1,70%	1,58%
Tỷ lệ dự phòng nợ xấu	43,9%	55,4%	62,1%	73,9%	81,2%

Hệ số về quản lý					
Tỷ lệ chi phí/thu nhập - CIR	37,3%	37,0%	29,1%	29,5%	29,5%
Lãi thuần từ HĐKD trên mỗi nhân viên	865	1.543	1.832	2.045	2.329
Lợi nhuận trước thuế trên mỗi nhân viên	380	754	1.010	1.209	1.408
Lãi thuần từ HĐKD trên mỗi chi nhánh/PGD	40.129	51.265	59.798	45.420	44.888
Lợi nhuận trước thuế trên mỗi chi nhánh/PGD	17.615	25.047	32.987	26.857	27.143

Lợi nhuận					
Hệ số chênh lệch lãi thuần - NIM	4,04%	4,01%	3,96%	3,73%	3,75%
Thu nhập ngoài lãi/Lãi thuần từ HĐKD	31,5%	38,0%	37,8%	36,3%	33,1%
ROA - trung bình	1,9%	2,4%	2,6%	2,6%	2,6%
ROE - trung bình	23,3%	25,4%	24,4%	21,6%	20,4%

Thanh khoản					
Tỷ lệ cấp tín dụng trên vốn huy động - LDR	82,2%	87,9%	86,2%	89,0%	90,9%

Nguồn: OCB, SSI Research

KHUYẾN CÁO

Các thông tin, tuyên bố, dự đoán trong bản báo cáo này, bao gồm cả các nhận định cá nhân, là dựa trên các nguồn thông tin tin cậy, tuy nhiên SSI không đảm bảo sự chính xác và đầy đủ của các nguồn thông tin này. Các nhận định trong bản báo cáo này được đưa ra dựa trên cơ sở phân tích chi tiết và cẩn thận, theo đánh giá chủ quan của chúng tôi, là hợp lý trong thời điểm đưa ra báo cáo. Các nhận định trong báo cáo này có thể thay đổi bất kỳ lúc nào mà không báo trước. Báo cáo này không nên được diễn giải như một đề nghị mua hay bán bất cứ một cổ phiếu nào. SSI và các công ty con; cũng như giám đốc, nhân viên của SSI và các công ty con có thể có lợi ích trong các công ty được đề cập tới trong báo cáo này. SSI có thể đã, đang và sẽ tiếp tục cung cấp dịch vụ cho các công ty được đề cập tới trong báo cáo này. SSI sẽ không chịu trách nhiệm đối với tất cả hay bất kỳ thiệt hại nào hay sự kiện bị coi là thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay bất kỳ thông tin hoặc ý kiến nào của báo cáo này.

SSI nghiêm cấm việc sử dụng, và mọi sự in ấn, sao chép hay xuất bản toàn bộ hay từng phần bản Báo cáo này vì bất kỳ mục đích gì mà không có sự chấp thuận của SSI.

THÔNG TIN LIÊN HỆ

Trung tâm phân tích và tư vấn đầu tư

Hoàng Việt Phương

Giám đốc Trung Tâm phân tích và tư vấn đầu tư

phuonghv@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 24) 3936 6321 ext. 8729

Chiến lược thị trường

Nguyễn Lý Thu Nga

Chuyên viên phân tích cao cấp

nganlt@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 28) 3636 3688 ext. 3051

Nguyễn Trọng Đình Tâm

Chuyên viên phân tích

tamntd@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 24) 3936 6321 ext. 8713

Phân tích kỹ thuật

Lương Biện Nhân Quyền

Trưởng phòng Chiến lược Đầu tư

quyenlbn@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 24) 3936 6321

Trần Trung Kiên

Chuyên viên cao cấp Phân tích Định lượng

kientt@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 24) 3936 6321

Phân tích cổ phiếu KHCN

Ngô Thị Kim Thanh

Chuyên viên phân tích cao cấp

thanhntk@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 28) 3636 3688 ext. 3053

Nguyễn Thị Thanh Tú, CFA

Chuyên viên phân tích cao cấp

tuntt@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 24) 3936 6321 ext. 8718

Lê Huyền Trang

Chuyên viên phân tích cao cấp

tranglh@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 24) 3936 6321 ext. 8717

Dữ liệu

Nguyễn Thị Kim Tân

Chuyên viên hỗ trợ

tanntk@ssi.com.vn

Tel: (+84 – 24) 3936 6321 ext. 8715